

# ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CỦA VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

PHẠM VĂN VANG\*

Nhìn lại 7 năm nghiên cứu và thực hiện việc đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn, có thể khẳng định, Viện Khoa học xã hội Việt Nam *đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ*. Những kết quả đó đã được vận dụng ngay vào thực tiễn đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý mọi mặt hoạt động của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, nhất là các lĩnh vực *xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; xác định nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và hội thảo khoa học; xây dựng và thực hiện các thể chế quản lý hoạt động khoa học và tài chính, xây dựng định mức chi cho các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học*.

## I. ĐỔI MỚI VIỆC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM

Ngay từ năm 1998, thực hiện nhiệm vụ xây dựng *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam, đã chủ động đề xuất với Chính phủ xây dựng *Chiến lược khoa học xã hội Việt Nam và Quy hoạch tổng thể phát triển Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia đến năm 2010*. Tuy nhiên cho đến cuối năm 2003, *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam, trong đó có chiến lược phát triển khoa học xã*

---

\* TS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

*hội Việt Nam đến năm 2010*, và đầu năm 2005, *Quy hoạch tổng thể phát triển Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020* mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt...

Những đóng góp quan trọng của việc xây dựng Chiến lược khoa học và công nghệ Việt Nam, bao gồm cả khoa học xã hội và Quy hoạch tổng thể phát triển Trung tâm Khoa học Xã hội và nhân văn quốc gia *là xác định rõ những nội dung cơ bản, có những lĩnh vực được cụ thể hóa thành những bước đi trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm sát với yêu cầu thực tiễn và hướng các hoạt động khoa học và công nghệ đi vào trọng tâm, chú trọng đổi mới cơ chế quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học cũng như đầu tư tài chính*. Hơn nữa, cùng với những đổi mới nhiệm vụ xây dựng Chiến lược và Quy hoạch, trình độ xây dựng kế hoạch và khả năng dự báo trong khoa học và công nghệ nói chung, trong khoa học xã hội và nhân văn nói riêng *ngày càng được nâng cao hơn, đạt được những kết quả bước đầu rõ rệt*. Vì vậy, yêu cầu xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm của Viện Khoa học xã hội Việt Nam được hoàn thành sớm hơn và ngày càng sát yêu cầu thực tế, giảm được thời gian và công sức cho việc xây dựng, xét duyệt kế hoạch và dự toán ngân sách.

*So sánh giữa kế hoạch và dự toán ngân sách xây dựng ban đầu hàng năm với kế hoạch và dự toán ngân sách được nhà nước phê duyệt của Viện Khoa học xã hội Việt Nam trong 7 năm gần đây chúng ta thấy rất rõ nhận định nêu trên:*

Năm kế hoạch	Kế hoạch và dự toán xây dựng ban đầu (%)	Kế hoạch và dự toán được nhà nước phê duyệt so với kế hoạch và dự toán xây dựng ban đầu (%)	Chênh lệch (%) giữa dự toán ban đầu so với dự toán được duyệt
2001	100	58,336	- 41,664
2002	100	59,239	- 40,736
2003	100	90,595	- 9,405
2004	100	95,205	- 4,795
2005	100	91,423	- 8,577
2006	100	96,489	- 3,511
2007	100	121,72	+ 21,72

*Ghi chú:* \* Chưa bao gồm kinh phí hoạt động khoa học và kinh phí cải cách tiền lương được bổ sung.

\*\* Bao gồm cả kinh phí là vốn ngoài nước

Bảng trên cho thấy, giữa kế hoạch và dự toán ngân sách xây dựng ban đầu so với kế hoạch và dự toán ngân sách được nhà nước phê duyệt hàng năm **ngày càng gần nhau hơn** (riêng năm 2007, lần đầu tiên nhà nước đưa kinh phí là vốn ngoài nước vào kế hoạch nên tổng kinh phí vượt trên 21,72% song, nếu không tính vốn ngoài nước, thì kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2007 được nhà nước phê duyệt đạt hơn 97% so với kế hoạch và dự toán ngân sách xây dựng ban đầu). Nếu như năm 2001, 2002, sự chênh lệch giữa kế hoạch và dự toán ngân sách xây dựng ban đầu so với kế hoạch và dự toán ngân sách được nhà nước phê duyệt cách nhau tới 40 – 41%, thì những năm gần đây, từ 2004 đến 2007, sự chênh lệch đó được rút ngắn lại chỉ còn 3 – 4%. Như thế có thể nói, **đó là kết quả tổng hoà của sự phát triển về năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý công tác kế hoạch, tài chính và khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam được nâng cao rõ rệt nhờ việc đẩy mạnh nghiên cứu và thực hiện đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn trong thời gian qua.**

## II. ĐỔI MỚI VIỆC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ HỘI THẢO KHOA HỌC

Đây là những hoạt động trọng tâm của một cơ quan khoa học như Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Thực tế đổi mới việc xác định nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và hội thảo khoa học ở Viện khoa học xã hội Việt Nam **đã đem lại hiệu quả rõ rệt** không những trong kết quả nghiên cứu và hội thảo khoa học, mà còn cả trong đầu tư tài chính, kết hợp nghiên cứu với đào tạo cán bộ; đồng thời góp phần cải thiện đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác khoa học và phục vụ khoa học.

Trong thời gian qua, việc đổi mới công tác tổ chức hoạt động khoa học **mang tính đột phá của Viện Khoa học xã hội Việt Nam là việc hình thành và thực hiện hệ thống các chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ**. Một mặt, xây dựng các chương trình cấp Bộ đã tập trung được lực lượng cán bộ khoa học, nhất là cán bộ khoa học có trình độ cao nhằm giải quyết những vấn đề khoa học theo từng chương trình mục tiêu, đặc biệt là những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách. Mặt khác trên cơ sở đó, đầu tư tài chính cho khoa học có điều kiện tập trung vào những yêu cầu thực sự cần thiết và nhờ vậy đem lại hiệu quả thiết thực, gắn công tác nghiên cứu lý luận với việc tổng kết thực tiễn, giải quyết những yêu cầu nóng bỏng của đời sống xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước.

Từ năm 1998 đến nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã xây dựng và thực hiện 10 chương trình khoa học cấp Bộ. Nội dung nghiên cứu bao gồm những

vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị xã hội, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá và tích cực chủ động hội nhập quốc tế trong những năm đầu thế kỷ XXI. Ngoài các chương trình cấp Bộ, hàng năm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam còn xây dựng và tổ chức thực hiện 5 – 6 dự án điều tra cơ bản về kinh tế – xã hội và văn hoá, 50 – 60 đề tài độc lập cấp Bộ, 300 – 350 đề tài cấp Viện chuyên ngành, 3-5 hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

Việc xác định các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, các dự án điều tra cơ bản và hội thảo khoa học là **dựa trên định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn chủ yếu trong từng giai đoạn của nhà nước, của Viện Khoa học xã hội Việt Nam**. Căn cứ vào các định hướng đó, các đơn vị nghiên cứu trực thuộc đề xuất, Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam thành lập các hội đồng tư vấn xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung cho từng chương trình, hệ thống đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, các dự án điều tra cơ bản và hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

Hệ thống các đề tài khoa học cấp cơ sở cũng được phân cấp quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện cho các Viện nghiên cứu chuyên ngành. Song, Viện Khoa học xã hội Việt Nam vẫn có trách nhiệm quản lý vĩ mô trên cơ sở xem xét hệ thống đề tài theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời ký hợp đồng tổng thể và phê duyệt kinh phí, kiểm tra việc thực hiện và thanh lý hợp đồng hàng năm.

Sau khi xác định nhiệm vụ cho các chương trình và hệ thống đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học này cũng **đòi hỏi phải đổi mới tất cả các khâu của quy trình nghiên cứu** mới có thể đem lại kết quả mong muốn.

Trước hết, đó là việc **xác định chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện đề tài cấp Bộ** (bao gồm cả đề tài độc lập và đề tài thuộc Chương trình cấp Bộ), Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã **thực hiện dưới 2 hình thức theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ: giao trực tiếp hoặc thông qua tuyển chọn (đấu thầu)**. Những đề tài cấp Bộ mang tính chất phổ biến rộng rãi, nhiều nhà khoa học có khả năng thực hiện được áp dụng **theo phương thức tuyển chọn (đấu thầu)**. Còn những đề tài cấp Bộ có đối tượng nghiên cứu hẹp, kết quả nghiên cứu không phổ biến rộng rãi được áp dụng **theo phương thức xét chọn, giao trực tiếp**.

Tuy nhiên, thời gian qua, Viện Khoa học xã hội Việt Nam bước đầu mới thực hiện thí điểm việc tuyển chọn (đấu thầu) đối với một số ít đề tài độc lập cấp Bộ, đặc biệt là tuyển chọn 6 đề tài thuộc chương trình cấp Bộ **“Những cơ sở xã hội nhân văn của quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trong quá trình công nghiệp hoá: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”**. Còn lại phần

lớn các đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ đều thực hiện theo phương thức xét chọn, giao trực tiếp trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao (căn cứ trên thực tế triển khai thực hiện các đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ thời gian qua và khả năng thực hiện trong thời gian tới). Trên thực tế, những lĩnh vực nghiên cứu mang tính chất đặc thù trong khoa học xã hội và nhân văn như dân tộc, tôn giáo hoặc những vấn đề nghiên cứu liên quan đến an ninh chính trị khu vực và quốc tế như các đề tài thuộc các chương trình cấp Bộ như: *“Những vấn đề cấp bách về dân tộc – tôn giáo trong những năm đầu thế kỷ XXI”*, Chương trình: *“Sự điều chỉnh chính sách của các nước và vùng lãnh thổ mới gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO)”*, hoặc đề tài *“Nghiên cứu những vấn đề pháp lý của vùng đất Tây Nam Bộ”*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam áp dụng phương thức xét chọn, giao trực tiếp cho các nhà khoa học có trình độ cao trong các Viện nghiên cứu chuyên ngành như Dân tộc học, NC Tôn giáo, các Viện nghiên cứu về khu vực và quốc tế *đã đem lại kết quả tốt*.

Hơn nữa, việc lựa chọn các chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện đề tài cấp Bộ còn phải căn cứ theo *Quy chế quản lý khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã ban hành trên cơ sở căn cứ vào trình độ và năng lực khoa học, số lượng đề tài đang thực hiện trong cùng một thời gian và không vi phạm quy định kéo dài thời gian mà chưa hoàn thành các đề tài trước đó*. Thực tế hệ thống đề tài cấp Bộ giai đoạn 2001 – 2005 của Viện Khoa học xã hội Việt Nam cho thấy, trong số 280 đề tài, có tới 65 – 70% chủ nhiệm đề tài là cán bộ khoa học kiêm nhiệm công tác quản lý cấp Viện nghiên cứu hoặc tương đương; 20 – 25% chủ nhiệm đề tài là cán bộ khoa học kiêm nhiệm công tác quản lý cấp phòng nghiên cứu. Số còn lại là cán bộ khoa học cốt cán bao gồm một số ít cán bộ khoa học trẻ nhưng đã có học vị, là nghiên cứu viên chính hoặc nghiên cứu viên nhưng có khả năng nghiên cứu độc lập và đã qua đảm nhiệm các đề tài khoa học cấp Viện chuyên ngành (đề tài cấp cơ sở). Thực tế đổi mới này *đã đem lại một sinh khí mới trong môi trường và sinh hoạt học thuật khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, đem lại những khởi sắc mới trong tổ chức lao động khoa học, thu hút ngày càng đông đảo đội ngũ các nhà khoa học nhiều thế hệ tham gia thực hiện đề tài trong từng lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*.

Theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học nói chung cũng như quy chế quản lý hoạt động khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam nói riêng, sau khi xác định nhiệm vụ cũng như chủ nhiệm đề tài thông qua hội đồng bảo vệ đề cương, hai bên (bên giao và bên nhận đề tài) tiến hành *ký kết hợp đồng khoa học* kèm theo kinh phí đầu tư thực hiện đề tài dựa trên tính chất, quy mô và nội dung nghiên cứu để xác định. Đồng thời hàng năm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với cơ quan chủ trì đề tài *tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài* ghi trong Hợp đồng, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kể cả việc

ngừng cấp kinh phí hoặc huỷ bỏ hợp đồng nếu xét thấy không có khả năng thực hiện. Các đề tài, nhiệm vụ khoa học và dự án điều tra cơ bản trọng điểm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam còn phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính) tiến hành kiểm tra việc thực hiện một cách nghiêm túc. Các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế được kiểm tra chặt chẽ các khâu chuẩn bị nội dung, làm thủ tục xin phép các cơ quan có trách nhiệm theo quy định của Nhà nước. Đây cũng là những đổi mới quan trọng làm cho chất lượng và hiệu quả hoạt động khoa học của Viện KHXH Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, so với các khâu trong quy trình nghiên cứu, **việc tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ** thời gian qua của Viện Khoa học xã hội Việt Nam **đã được đổi mới rất đáng chú ý.**

Theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội của Nhà nước cũng như của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, mọi đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học cấp Bộ và cấp Viện, hết thời gian thực hiện ghi trong hợp đồng khoa học đều phải tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu. Từ năm 2004 Viện Khoa học xã hội Việt Nam còn quy định, **việc nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ khoa học phải qua 2 cấp: cấp cơ sở và cấp Bộ** giống như nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước. Nhờ vậy, chất lượng sản phẩm khoa học của đề tài, nhiệm vụ khoa học đã được nâng cao rõ rệt. Điều đó cũng thể hiện công tác quản lý khoa học ngày càng chặt chẽ về mặt pháp lý. Bước đổi mới quan trọng này rất phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ nói chung của nước ta, nhất là trong điều kiện ngày càng mở rộng việc thực hiện cơ chế tuyển chọn (đấu thầu) đối với đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ cũng như cấp Viện chuyên ngành hiện nay.

Nhìn chung, hầu hết các hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học cấp Bộ của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã thực hiện **là phù hợp và nghiêm túc.** Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài ra quyết định thành lập với 7 – 9 thành viên. Nhiều nhà khoa học có trình độ, liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của từng đề tài khoa học đều được mời tham gia hội đồng, trong đó có những chuyên gia khoa học đầu ngành thực sự. Nhờ vậy, những ý kiến đóng góp, bổ sung hoàn chỉnh Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học đã được nâng lên, đặc biệt về chất lượng công trình và kiến nghị khoa học, Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ do Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài và ý kiến tư vấn của các cơ quan quản lý khoa học. Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện Khoa học xã hội Việt Nam những năm gần đây còn có chủ trương, dành ưu tiên mời các nhà khoa học xã hội bên ngoài có trình độ cao và có chuyên môn liên quan tới đề tài tham gia với tỷ lệ nhiều hơn. Mục đích của việc đổi mới này là **nhằm đánh giá**

**khách quan kết quả nghiên cứu của hệ thống đề tài, nhiệm vụ, dự án khoa học cấp Bộ do Viện Khoa học xã hội Việt Nam đề xuất, đầu tư kinh phí và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.**

Tuy nhiên, qua thực tiễn đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học xã hội nói chung, công tác tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ nói riêng của Viện Khoa học xã hội Việt Nam cũng đã bộc lộ những yếu kém, hạn chế về trình độ khoa học của đội ngũ cán bộ khoa học hiện nay, nhất là những lĩnh vực khoa học còn non trẻ mới được hình thành theo Nghị định 26/2004/NĐ-CP ngày 15/1/2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Mặc dù vậy, việc đổi mới hình thức nghiệm thu theo 2 cấp và việc lựa chọn xứng đáng các nhà khoa học tham gia hội đồng đánh giá nghiệm thu một cách nghiêm túc **đã đem lại kết quả rõ rệt, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu tương xứng với kinh phí đầu tư**, đồng thời đã phản ánh rõ thực trạng kết quả nghiên cứu của từng đề tài, nhiệm vụ khoa học, kể cả các lĩnh vực khoa học còn non trẻ. Nhờ vậy đã khắc phục được tình trạng trước đây, số lượng đề tài cấp Bộ đạt loại khá và xuất sắc khi nghiệm thu chiếm tới 90 – 95%, trong đó loại xuất sắc chiếm 60-65% số lượng đề tài. Hơn nữa, từ năm 2005, **tiêu chuẩn đánh giá đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ đạt loại xuất sắc** của Viện Khoa học xã hội Việt Nam còn phải đạt 100% số phiếu xuất sắc của các thành viên có mặt tại phiên họp hội đồng. Bởi vậy, riêng năm 2005, tỷ lệ đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc chỉ đạt 25 – 30%. Và nếu đề tài, nhiệm vụ khoa học được đề nghị Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam khen thưởng, ngoài tiêu chuẩn nghiệm thu đạt loại xuất sắc, còn phải bảo đảm thời gian thực hiện không vượt quá 3 tháng so với hợp đồng khoa học đã ký kết, đồng thời việc thanh quyết toán tài chính của đề tài phải theo đúng với thời gian quy định. Như vậy, có thể nói, **việc đổi mới tiêu chuẩn đánh giá nghiệm thu cũng như đổi mới việc thực hiện một cách nghiêm túc của hội đồng nghiệm thu** không những nâng cao trách nhiệm của các thành viên hội đồng vì sự phát triển của khoa học, mà còn phản ánh đúng thực trạng nghiên cứu của hệ thống đề tài nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng của sản phẩm khoa học, khắc phục những yếu kém trong nghiên cứu và tình trạng kéo dài thời gian thực hiện của một số đề tài cấp Bộ thời gian qua của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

### III. ĐỔI MỚI THỂ CHẾ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ TÀI CHÍNH, XÂY DỰNG CÁC ĐỊNH MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ KHOA HỌC

Đây cũng là một lĩnh vực có những đổi mới đáng chú ý của Viện Khoa học xã hội Việt Nam thời gian qua. Nhìn chung, cho đến nay, các lĩnh vực hoạt

động khoa học, phục vụ khoa học và tài chính của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đều có các quy chế hoặc quy định về tổ chức hoạt động và quản lý, trong đó có những lĩnh vực được xây dựng quy chế hoặc quy định từ rất sớm và đã được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt **Quy chế hoạt động khoa học được ban hành từ 24/9/2001, đến 3/7/2003 được bổ sung Quy định tạm thời về việc tuyển chọn cá nhân làm chủ nhiệm đề tài cấp Bộ; đến 16/5/2005 được bổ sung Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ**. Từ tháng 5 năm 2006 đã tiến hành Xây dựng **Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học** của Viện Khoa học xã hội Việt Nam nhưng chưa ban hành thực hiện.

Trong lĩnh vực tài chính phục vụ khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam cũng có những đổi mới từ nhiều năm nay, trong đó hàng năm, những kết quả nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý tài chính phục vụ khoa học được áp dụng ngay vào **nguyên tắc phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đối với các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học**. Nhờ vậy, việc đầu tư, sử dụng và quản lý tài chính của Viện Khoa học xã hội Việt Nam không những có **căn cứ khoa học và thực tiễn, mà ngày càng đi vào nề nếp, coi trọng chất lượng và hiệu quả**. Hơn nữa, để việc đầu tư, sử dụng kinh phí cho các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học đem lại hiệu quả cao và thiết thực, từ trước những năm 1990, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã xây dựng và ban hành thực hiện **các định mức chi hướng dẫn các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học**. Các định mức chi này đã được sửa đổi, bổ sung trước khi ban hành Thông tư liên Bộ (Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ) số 49/TC-KHCN ngày 1/7/1995, Thông tư liên bộ Bộ Tài Chính và Bộ Khoa học và Công nghệ số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 **hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**. Mặc dù vậy, các định mức chi của Viện KHXH Việt Nam hiện nay **vẫn còn phát huy tác dụng hướng dẫn thực hiện** theo các quy trình hoạt động khoa học và phục vụ khoa học, mà không đơn thuần chỉ là các định mức chi, nhất là định mức chi đối với các loại hình đề tài nghiên cứu mang tính đặc thù trong khoa học xã hội và nhân văn chưa được quy định trong các Thông tin liên Bộ nói trên, kể cả các văn bản mới nhất như Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ **hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước** và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 7/5/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và công nghệ **hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**. Hơn nữa, trên cơ sở các định mức chi đã được xây dựng, Viện Khoa học xã hội Việt Nam **mới có điều kiện đầu tư kinh phí theo các loại hình đề tài nghiên cứu** đảm bảo có căn cứ khoa học, được thực

tiền kiểm nghiệm, đo đó được bảo đảm tính khoa học khách quan, tính hợp lý, công bằng và khả thi trong đầu tư, bố trí kinh phí cho từng lĩnh vực hoạt động khoa học cũng như cho từng đơn vị nghiên cứu trực thuộc. Tuy nhiên hiện nay, vẫn còn những khó khăn nhất định trong việc xác định các tiêu chí đầu tư đối với loại hình đề tài khoa học cấp Viện chuyên ngành, làm sao khắc phục được tính bao cấp, vừa khuyến khích được tính năng động sáng tạo của các nhà khoa học nhất là cán bộ trẻ, nâng cao trách nhiệm và tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, biên chế và tài chính của các đơn vị nghiên cứu trực thuộc.

Nhìn chung lại, nhiệm vụ đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn của Viện Khoa học xã hội Việt Nam thời gian qua đã được triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả bước đầu trên các phương diện chủ yếu: ***Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; xác định nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học; xây dựng và hoàn thiện thể chế các hoạt động khoa học và tài chính, các định mức chi hướng dẫn các hoạt động khoa học và phục vụ khoa học. Nhờ vậy đã tạo ra bước chuyển biến cơ bản trong các hoạt động khoa học và tài chính***, góp phần quan trọng hoàn thành kế hoạch 5 năm 2001 – 2005, xây dựng và triển khai kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006 – 2010 của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Kết quả nổi bật của việc đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học thời gian qua của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đem lại là ***hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý đã được nâng cao rõ rệt***. Điều đó không những thể hiện ở hệ thống các chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học, các dự án điều tra cơ bản, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mà còn được thể hiện trong các hoạt động phục vụ khoa học như công tác tạp chí, xuất bản, thông tin – tư liệu – thư viện cũng như các hoạt động về tài chính. Cơ chế và thể chế quản lý các hoạt động khoa học đã được đổi mới và hoàn thiện một bước cơ bản thời gian qua là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ vậy đã phát huy được dân chủ, ngày càng công khai hoá, minh bạch trong mọi lĩnh vực hoạt động khoa học và tài chính, đặc biệt là trong xây dựng, tổ chức thực hiện các hệ đề tài khoa học và phân bổ kinh phí cho các mặt hoạt động của Viện cũng như các đơn vị trực thuộc. Mọi chủ trương, chính sách, nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao đều được Viện Khoa học xã hội Việt Nam thực hiện tốt và nghiêm túc nhờ việc thể chế hoá mọi mặt hoạt động và ngày càng đi vào nề nếp.

Hiện nay, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đang phối hợp tích cực với Bộ Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện chương trình hợp tác liên Bộ: ***“Chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học xã hội và đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý hoạt động khoa học xã hội”***. Hơn năm qua, chương trình đã tổ chức một số cuộc điều tra nghiên cứu, khảo sát thực tiễn, hội thảo khoa học,

làm việc với một số bộ, ngành và địa phương, một số cơ quan, tổ chức khoa học trong nước và quốc tế về những chính sách phát triển và cơ chế hoạt động và quản lý hoạt động khoa học xã hội ở Trung ương và địa phương. Một số đề tài của chương trình đã đi sâu nghiên cứu đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học; đổi mới cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học xã hội, hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về khoa học xã hội. Đó là ***những vấn đề bức xúc của việc đổi mới cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta hiện nay***. Hy vọng rằng, sau khi chương trình hoàn thành sẽ góp phần ***đổi mới thêm một bước mới*** về cơ chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn của nước ta nói chung, của Viện Khoa học xã hội Việt Nam nói riêng./.